

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP BẢN SAO CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ
NĂM 2025
(Cập nhật đến 12g00 ngày 09/7/2025)**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1	02046043	Dương Nguyễn Mỹ An	30/11/2007	7		
2	35003352	Hồ Vũ Gia An	18/12/2007	6.0		
3	52003846	Lại Hoàng An	07/07/2007	6.0		
4	02011382	Lê Nguyễn Quốc An	15/02/2007	6.5		
5	02046049	Lê Trần Khánh An	31/01/2007	7.5		1380
6	02005451	Ngô Gia An	01/08/2007	7		
7	02011383	Ngô Phúc An	30/09/2007	6		
8	55012618	Nguyễn Hải An	04/11/2007	8.0		
9	01040043	Nguyễn Hoàng Ngân An	24/11/2006	6.5		
10	02011386	Nguyễn Quốc An	11/06/2007	7		1360
11	04010419	Nguyễn Thị Minh An	17/11/2007	7		1500
12	02035995	Nguyễn Thị Thùy An	27/09/2007	7		
13	02063639	Nguyễn Tô Thảo An	08/05/2007	6.5		
14	41007533	Nguyễn Việt Khánh An	29/11/2007	7.0		
15	46000005	Phạm Đức An	21/01/2007	7.5		
16	44001043	Phạm Ngọc An	02/04/2007	8		1440
17	48000295	Phạm Quốc An	04/08/2007	7.5		
18	46000006	Phan Vũ Phương An	06/02/2006	6		
19	02002610	Trần Huỳnh Thúy An	18/12/2007	6.0		
20	02020681	Trịnh Huỳnh Vy An	16/11/2007	6.5		
21	02002670	Lâm Nguyễn Thiên Ân	15/08/2007	6		
22	04013291	Nguyễn Trâm Minh Ân	15/08/2007	7		1480
23	02028129	Dương Võ Minh An	12/03/2007	6.5		
24	02096535	Bùi Huỳnh Thụy Anh	02/11/2007	6.5		
25	02020684	Chu Hoàng Anh	26/11/2007	7		
26	02002613	Chu Nguyễn Quỳnh Anh	03/03/2007	7.5		
27	02005459	Đặng Quỳnh Anh	18/06/2007	6.5		
28	02011397	Đào Vương Anh	23/01/2007	8.5		1500
29	48000568	Đinh Hữu Anh	02/06/2007	6.5		
30	02011404	Đỗ Vân Anh	09/01/2007	7.5		1350

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
31	02096538	Đoàn Trương Minh Anh	13/02/2007	6.5		
32	02011273	Dương Ngọc Trâm Anh	21/12/2007	7.5		
33	51000767	Hà Bình Phương Anh	28/11/2007	6.5		
34	01006077	Hà Minh Anh	26/10/2007	8.5		
35	02002620	Hà Nhã Anh	19/12/2007	7.0		
36	29016039	Hồ Đức Anh	16/11/2007	6.0		
37	04013275	Hồ Phước Anh	23/01/2007			1540
38	02011405	Hoàng Minh Anh	19/07/2007	6.5		
39	02046067	Hoàng Ngọc Anh	15/12/2007	6		
40	02046068	Hoàng nguyên Minh Anh	04/09/2007	7.5		1390
41	42000891	Hoàng Thị Quỳnh Anh	02/02/2007	7		
42	02011413	Lâm Quỳnh Anh	17/06/2007	8.0		1490
43	48000859	Lê Lan Anh	05/03/2007	6.5		
44	02040071	Lê Nguyễn Hoàng Anh	30/08/2007	6		
45	02057836	Lê Nguyễn Hoàng Anh	02/11/2007	6.5		
46	02096544	Lê Quỳnh Anh	30/01/2007	6.0		
47	02011422	Lữ Duy Anh	21/04/2007	7.5		1390
48	02057837	Lưu Ngọc Minh Anh	05/10/2007	7		
49	01081365	Mã Việt Anh	20/07/2007	7.5		1380
50	02011427	Nguyễn Hoàng Anh	29/07/2007	6.5		
51	02046083	Nguyễn Hoàng Anh	26/11/2007	6.0		
52	29000052	Nguyễn Hoàng Anh	15/09/2007	6.5		
53	52004640	Nguyễn Hoàng Minh Anh	29/08/2007	6.5		
54	56005862	Nguyễn Hoàng Tú Anh	28/05/2007	6.5		
55	02002637	Nguyễn Hồng Anh	20/07/2007	7.0		
56	02046091	Nguyễn Ngọc Hà Anh	21/07/2007	7		
57	02055457	Nguyễn Ngọc Lan Anh	09/03/2007	7.0		
58	02004990	Nguyễn Ngọc Minh Anh	29/10/2007	7.0		
59	55004414	Nguyễn Ngọc Phương Anh	03/07/2007	6.5		
60	02096547	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	13/02/2007	6.5		
61	02091796	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	16/10/2007	6		
62	44004338	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	08/01/2007	7.0		
63	55011252	Nguyễn Nguyên Anh	09/12/2007	7.0		
64	02004993	Nguyễn Phạm Minh Anh	02/08/2007	7.5		
65	02046094	Nguyễn Phan Minh Anh	10/12/2007	7		
66	02096548	Nguyễn Phước Nguyệt Anh	19/12/2007	6.0		
67	02011433	Nguyễn Thành Anh	16/03/2007	7.5		1490
68	52000028	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/07/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
69	02058168	Nguyễn Trần Minh Anh	12/01/2007	6.5		
70	02016761	Nguyễn Trần Tuấn Anh	12/12/2007	6		
71	48001507	Nguyễn Trọng Anh	12/11/2007	6.5		
72	39009027	Phạm Hùng Đức Anh	19/04/2007	6.0		
73	02016762	Phạm Huỳnh Hoài Anh	23/02/2007	6.5		
74	17008169	Phạm Nguyễn Trâm Anh	15/03/2007	7.0		
75	02002650	Phạm Quỳnh Anh	01/02/2007	7.5		
76	02015439	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	7		
77	02002652	Phan Huỳnh Minh Anh	01/10/2007	6.5		
78	02011438	Phan Trần Phương Anh	12/07/2007	7.0		1400
79	01098969	Tạ Thị Kiều Anh	26/11/2007	6.5		
80	02002654	Thời Lê Phương Anh	08/10/2007	7		
81	02052377	Trần Hồng Anh	04/03/2007	6.5		
82	02011445	Trần Hồng Đông Anh	20/07/2007	7.5		
83	02010329	Trần Ngọc Hoàng Anh	18/02/2007	6		
84	44004371	Trần Ngọc Phương Anh	10/01/2007	6.5		
85	42012708	Trần Tú Anh	18/09/2007	6.5		
86	02011448	Trần Tuệ Anh	26/06/2007	8		1520
87	02011450	Trương Đào Quốc Anh	07/06/2007	7.0		1430
88	02002661	Trương Quế Anh	18/08/2007	7		1350
89	61000024	Uông Hoàng Minh Anh	22/12/2007	6.5		
90	46000021	Võ Đăng Anh	12/06/2007	6.0		
91	45002660	Võ Đức Anh	04/04/2007	7.0		
92	02020728	Võ Dương Phương Anh	25/08/2007	6.5		
93	02063668	Võ Ngọc Lan Anh	12/01/2007	6.5		
94	01064454	Vũ Nguyễn Trang Anh	07/05/2007	6.5		
95	01015403	Đỗ Ngọc Minh Ánh	21/03/2007	7.0		
96	28002141	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/07/2007	6.0		
97	02000054	Phạm Thị Hồng Ánh	23/07/2007	6.5		
98	44004435	Hoàng Xuân Bắc	06/07/2007	6.0		
99	02011461	Đặng Hoàng Bách	02/09/2007	7.5		1560
100	02005496	Hoàng Công Bách	14/09/2007	7		
101	02063677	Nguyễn Gia Bách	12/09/2007	7.0		
102	01019325	Nguyễn Xuân Bách	07/12/2007	7.0		
103	02096567	Đỗ Thanh Trí Bằng	04/05/2007	6		
104	02048425	Nguyễn Đình Bằng	29/05/2007	7		
105	02011463	Đào Minh Bảo	28/06/2007	7.0		1340
106	44001085	Lê Trường Bảo	17/12/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
107	02011466	Mai Thiên Bảo	15/08/2007	6.0		
108	02012518	Nguyễn Gia Bảo	24/08/2007	6.5		
109	37016559	Nguyễn Gia Bảo	04/01/2007	6.0		
110	42012724	Nguyễn Gia Bảo	10/01/2007	6.0		
111	02002676	Nguyễn Minh Quốc Bảo	14/06/2007	6		
112	02005504	Nguyễn Thế Hoàng Bảo	15/10/2007	7.5		
113	04010439	Phạm Gia Bảo	02/06/2007	7.0		
114	02096566	Trần Gia Bảo	14/07/2007	7		
115	02096569	Đoàn Xuân Bình	23/04/2007	6		
116	02011471	Trần Khánh Bình	08/11/2007	7.5		1390
117	02055501	Trần Ngọc Gia Bình	22/04/2007	6.5		
118	02016784	Trần Thế Bình	16/07/2007	6.5		
119	55011276	Trần Huỳnh Ngọc Các	08/02/2007	6.5		
120	02002686	Nguyễn Hoàng Nguyên Cát	09/01/2007	6.5		
121	02011473	Đinh Ngọc Bảo Châu	01/12/2007	6.0		
122	02005513	Đỗ Nguyễn Minh Châu	01/04/2007	7.5		
123	27004023	Hoàng Minh Châu	15/08/2007	6.5		
124	02015478	Huang Long Châu	27/09/2005	8.5		
125	50007593	Lê Nguyễn Minh Châu	05/09/2007	7		
126	02046145	Lương Ngọc Bảo Châu	24/08/2007	6.5		
127	02000734	Ngụy Diệp Bảo Châu	17/06/2007	6.5		
128	63004709	Nguyễn Bảo Châu	24/11/2007	6.5		
129	02005515	Nguyễn Hà Minh Châu	23/01/2007	6.0		
130	01027595	Nguyễn Minh Châu	15/06/2007	6.5		
131	02055509	Nguyễn Trần Minh Châu	22/01/2007	7		
132	52000061	Phạm Minh Châu	07/09/2007	6.5		
133	02016165	Tăng Bảo Châu	09/12/2007	6.5		
134	02011475	Thân Trọng Minh Châu	02/04/2007	7.0		
135	51000814	Trần Quỳnh Châu	30/09/2006	6.5		
136	02048432	Võ Mai Bảo Châu	17/08/2007	7.5		
137	42000973	Lê Nguyễn Quỳnh Chi	20/04/2007	7.0		
138	02011478	Lương Khánh Chi	12/04/2007	6		
139	02011479	Lương Quỳnh Chi	08/09/2007	6.0		
140	36000034	Ngô Quế Chi	08/10/2007	6.5		
141	02057861	Ngô Tùng Chi	26/11/2007	7.0		
142	48003779	Nguyễn Đỗ Tùng Chi	25/10/2007	6.5		
143	04010458	Nguyễn Phan Quỳnh Chi	06/05/2007	6.5		
144	02057863	Trần Lâm Thảo Chi	04/11/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
145	33000111	Trương Nguyễn Bảo Chi	13/03/2007	7.5		
146	42000977	Trương Quỳnh Chi	16/07/2007	6.5		
147	56010462	Nguyễn Ngọc Viêt Chương	30/10/2007	7.5		
148	39009438	Nguyễn Tấn Nguyên Chương	13/12/2007	6.0		
149	02096577	Phạm Quốc Chương	18/01/2007	7.5		
150	02005521	Võ Minh Chương	09/07/2007	7.5		1430
151	02096582	Trần Tấn Cường	24/12/2007	7.5		
152	52000096	Đặng Quốc Đại	25/12/2007	7.0		
153	60000617	Trương Nguyên Đán	17/02/2007	6.0		
154	02011502	Dương Khải Đăng	19/09/2007	7.5		1410
155	47007764	Lê Khánh Đăng	06/03/2007	7.0		
156	37000083	Lê Minh Đăng	18/05/2007	6.5		
157	36000072	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2007	7.0		
158	02046173	Nguyễn Hoàng Minh Đăng	10/12/2007	7.5		
159	02016810	Phạm Cao Danh	20/03/2007	7.0		
160	02091456	Nguyễn Ngọc Anh Đào	01/10/2007	6		
161	02011500	Bùi Phát Đạt	04/05/2007	6.5		
162	02046165	Dương Trọng Đạt	09/02/2007	6		
163	36000517	Nguyễn Tấn Đạt	26/09/2007	6.5		
164	41008852	Nguyễn Tuấn Đạt	09/03/2007	6.0		
165	37000080	Trần Quý Đạt	27/06/2007	6		
166	02012592	Trương Minh Tuấn Đạt	19/10/2007	6		
167	56011000	Từ Phước Đạt	11/03/2007	6.5		
168	57001264	Hồ Khánh Điền	30/06/2007	7.0		
169	02002706	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	18/12/2007	6.5		
170	02000750	Phan Lê Bách Diệp	18/12/2007	6.5		
171	02002708	Trần Ngọc Diệp	23/12/2007	6.5		
172	02011505	Lê Bá Khánh Đoan	10/01/2007	6.5		
173	02091859	Trần Nhật Khánh Đoan	29/08/2007	6.5		
174	02057921	Lê Huy Đức	06/01/2007	6.5		
175	02041291	Nguyễn Anh Đức	11/12/2007	7.0		
176	04010496	Nguyễn Phúc Đức	31/08/2007	6.0		
177	01018825	Nguyễn Quý Đức	29/08/2007	6.5		
178	39009095	Trần Việt Đức	03/09/2006	6.5		
179	53009479	Vũ Nguyên Đức	10/07/2007	6.5		
180	02048462	Vũ Văn Đức	20/11/2007	6.5		
181	35003441	Đinh Trí Dũng	30/03/2007	7.0		
182	29003564	Hoàng Anh Dũng	04/04/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
183	02011488	Lê Hùng Dũng	01/01/2007	6.5		
184	52000086	Lương Anh Dũng	01/01/2007	7.0		
185	02096601	Nguyễn Anh Dũng	08/10/2007	6.5		
186	52000088	Nguyễn Tuấn Dũng	24/06/2007	6.0		
187	02055520	Phạm Minh Dũng	23/12/2007	7.0		
188	48004948	Võ Tiến Dũng	10/12/2007	7.5		
189	02011493	Hoàng Vũ Thùy Dương	23/03/2007	8.0		1500
190	50017401	Huỳnh Lê Hải Dương	15/12/2004	8		1350
191	02011494	Lê Nguyễn Thùy Dương	05/09/2007	7		
192	44004550	Nghiêm Trần Thùy Dương	15/05/2007	6		
193	02096621	Nguyễn Phạm Thùy Dương	04/12/2007	7		
194	02011497	Nguyễn Võ Ánh Dương	25/03/2007	7.5		
195	42001024	Phạm Thái Dương	29/09/2007	7.0		
196	38003146	Cao Uyên Duy	06/12/2007	6		
197	02005534	Nguyễn Khả Duy	21/09/2007	7.0		
198	41008819	Nguyễn Minh Duy	09/09/2007	6.0		
199	04010477	Phan Nhật Duy	30/06/2007	6.5		
200	02096617	Võ Minh Duy	11/05/2007	7.0		
201	48005322	Nguyễn Đăng Kỳ Duyên	22/10/2007	6.0		
202	52008680	Nguyễn Đình Ngọc Duyên	05/05/2007	7.5		
203	55007613	Nguyễn Hồng Kỳ Duyên	07/10/2007	7.0		
204	37000066	Võ Hồng Bích Duyên	28/03/2007	6.5		1360
205	02005554	Đặng Trường Giang	07/11/2007	7.0		
206	42005550	Nguyễn Ngô Trà Giang	28/09/2007	6.0		
207	02063740	Nguyễn Thị Thu Giang	14/06/2007	6.5		
208	02002740	Trần Nguyễn Trường Giang	17/02/2007	6.0		
209	02046180	Phan Văn Giàu	27/03/2007	6.5		
210	02002741	Lê Trần Hoàng Hà	30/08/2007	7		
211	52000124	Nguyễn Duyên Hà	22/08/2007	6.5		
212	02011515	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	31/10/2007	6.5		
213	02011516	Nguyễn Nhật Hà	20/09/2007	7		
214	38001339	Nguyễn Thị Ngọc Hà	03/04/2007	6.5		
215	42012807	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/04/2007	6.0		
216	38000161	Nguyễn Thị Nhật Hà	16/01/2007	6.5		
217	02046185	Phan Nguyễn Thanh Hà	17/08/2007	7		
218	02048466	Vũ Nam Hà	09/12/2007	6.0		
219	02096648	Lê Thanh Hải	11/12/2007	7.5		
220	04013333	Phan Trí Hải	24/04/2007	8		1530

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
221	52008731	Trần Nam Hải	30/01/2007	6.5		1520
222	02011520	Vương Hiền Nguyên Hải	10/08/2007	7		1350
223	40020259	Huỳnh Minh Hân	18/11/2007	6.5		
224	37001475	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	15/01/2007	6.0		
225	57001288	Lâm Ngọc Hân	31/10/2007	7.5		
226	02057949	Lê Ngọc Bảo Hân	17/09/2007	6.5		
227	04013340	Lê Nguyễn Gia Hân	09/11/2007	7.0		
228	02051636	Lê Thị Ngọc Hân	31/03/2007	6.0		
229	02016208	Lương Gia Hân	10/09/2007	7.0		
230	02000151	Lý Gia Hân	24/08/2007	6.5		
231	48008294	Ngô Gia Hân	06/08/2007	7.0		
232	02011531	Nguyễn Ngọc Minh Hân	27/04/2007	8		
233	41007685	Nguyễn Ngọc Xuân Hân	28/03/2007	6.5		
234	38000180	Nguyễn Nguyên Gia Hân	13/02/2007	6.5		
235	02046202	Nguyễn Thị Ngọc Hân	18/05/2007	6.0		
236	02000154	Nguyễn Trần Gia Hân	21/06/2007	6.5		
237	55011342	Nguyễn Trần Gia Hân	24/04/2007	8.0		
238	02016217	Phạm Gia Hân	21/11/2007	6.5		
239	56004679	Phạm Huỳnh Gia Hân	26/10/2007	6.5		
240	02011534	Phạm Ý Hân	07/03/2007	7.5		
241	02091886	Trần Gia Hân	02/06/2007	6.0		
242	53009505	Trương Gia Hân	16/09/2007	7.0		
243	02005577	Võ Gia Hân	20/12/2007	6.5		
244	02011536	Võ Lê Gia Hân	22/01/2007	7.0		1490
245	02057953	Vương Ngọc Hân	18/08/2007	6.0		
246	48007984	Đỗ Thị Thanh Hằng	17/09/2007	6.5		
247	35003531	Lê Diễm Hằng	23/09/2007	6.5		
248	50007670	Võ Nguyễn Phước Hằng	24/11/2007	7		
249	02048471	Trần Nguyên Hanh	16/11/2007	6.0		
250	02081008	Huỳnh Thị Hiếu Hạnh	30/01/2007	7.0		
251	41008887	Nguyễn Anh Hào	03/08/2007	6.0		
252	39009472	Nguyễn Nhật Hào	03/12/2007	6.0		
253	42001105	Nguyễn Nhật Hào	29/04/2007	6.5		
254	02002770	Tăng Trí Hiến	04/08/2007	6		
255	53004075	Lê Nguyễn Thanh Hiền	27/12/2007	6.5		
256	41008916	Trần Bá Hiến	27/01/2007	7.0		
257	02057958	Võ Nguyễn Minh Hiến	27/02/2007	7		1420
258	02000164	Huỳnh Châu Bách Hiệp	15/03/2006	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
259	29003634	Phạm Hoàng Hiệp	11/06/2007	6.5		
260	44004667	Huỳnh Trung Hiếu	26/02/2007	6		
261	40019544	Lê Minh Hiếu	08/09/2007	7.0		
262	02002772	Lê Quốc Hiếu	03/08/2007	6		
263	02002773	Lê Thanh Hiếu	22/11/2007	6		
264	02010402	Nguyễn Công Hiếu	22/05/2007	7.0		
265	52000144	Nguyễn Minh Hiếu	03/05/2007	6.0		
266	55011352	Nguyễn Trần Trung Hiếu	09/07/2007	6.5		
267	02011539	Ninh Duy Hiếu	01/03/2007	7		
268	42000214	Phan Trung Hiếu	15/10/2007	6.0		
269	01000143	Trần Minh Hiếu	05/11/2007	6.5		
270	35000099	Vương Quốc Hiệu	20/02/2006	6.0		
271	02000820	Nguyễn Huỳnh Hoa	10/01/2007	7		
272	29000390	Nguyễn Khánh Hòa	19/06/2007	7.0		
273	02081034	Đặng Phúc Kim Hoàn	02/10/2007	7.5		
274	52002495	Đỗ Minh Hoàng	30/06/2007	6.0		
275	02011545	Lê Hoàng	09/08/2007	8		1470
276	02057966	Nguyễn Huy Hoàng	24/09/2007	6.5		
277	51000912	Nguyễn Văn Thái Hoàng	23/02/2007	7.5		
278	47000261	Tô Quốc Hoàng	04/01/2007	6.5		
279	40022243	Trần Huy Hoàng	25/10/2006	6.0		
280	30005401	Trần Nhật Hoàng	16/01/2007	6.5		
281	02081042	Vũ Hoàng	23/09/2006	7		
282	48010117	Vũ Gia Hoàng	14/08/2007	7.0		
283	53009519	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	01/10/2007	7		
284	02096671	Dương Gia Huân	17/05/2007	7		
285	02011549	Dương Nhật Huân	17/04/2007	8		1580
286	44004707	Lê Minh Hùng	26/02/2007	6		
287	04013361	Lê Quốc Hùng	08/07/2007	7.0		
288	02011554	Nguyễn Vũ Duy Hùng	12/06/2007	8		1550
289	02011555	Trương Anh Hùng	19/04/2007	7		
290	01027675	Bạch Huy Hưng	28/04/2007	7.0		
291	46000221	Đỗ Đặng Gia Hưng	16/07/2007	6.0		
292	02011569	Dương Quốc Hưng	11/07/2007	7		1350
293	61000166	Lê Chánh Hưng	22/04/2007	7.0		
294	02011570	Mạch Đình Quốc Hưng	19/07/2007	6		
295	02046912	Nguyễn Duy Hưng	09/08/2007	7.0		
296	37000159	Nguyễn Gia Hưng	10/10/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
297	48011686	Nguyễn Phú Hưng	13/02/2007	7.0		
298	64002089	Nguyễn Phúc Hưng	03/06/2007	6.5		
299	44004745	Phạm Khánh Hưng	01/12/2007	6.5		
300	51000939	Trần Phạm Gia Hưng	21/11/2007	6.5		
301	02055032	Bùi Lan Hương	23/10/2007	6.0		
302	02011573	Dương Vân Hương	09/05/2007	7.0		
303	02011574	Hà Quỳnh Hương	01/03/2007	7.5		
304	02096716	Lê Minh Hương	06/09/2007	6		
305	48011934	Nguyễn Mai Hương	15/08/2007	6.0		
306	02081066	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	26/08/2006	6.0		
307	02002802	Phạm Quỳnh Hương	23/08/2007	7.0		
308	02081048	Đặng Văn Huy	07/06/2005			1350
309	02046903	Đỗ Quang Huy	10/11/2007	7		1430
310	35003587	Đoàn Tú Huy	03/01/2007	7.5		
311	02036125	Hồ Quốc Huy	29/09/2007	7.0		
312	40020348	Hoàng Đình Huy	08/08/2007	7.5		
313	02067483	Huỳnh Đức Huy	30/08/2007	6.5		
314	61000144	Lê Gia Huy	17/10/2007	6.5		
315	02070181	Lê Nguyễn Anh Huy	27/02/2007	6		
316	02096679	Nguyễn An Huy	29/07/2007	7		
317	02002787	Nguyễn Dương Đăng Huy	03/01/2007	6.5		
318	40020362	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	19/02/2007	7.0		
319	37000153	Nguyễn Hoàng Gia Huy	08/07/2007	7.5		
320	02057983	Nguyễn Minh Huy	07/09/2007	6.5		
321	32001119	Nguyễn Minh Huy	12/05/2007	6		
322	48011040	Nguyễn Trần Quang Huy	18/01/2007	7.5		
323	48011102	Phạm Quốc Huy	18/03/2007	6		
324	02002789	Phạm Trần Gia Huy	21/08/2007	6.5		
325	04013365	Phan Đức Huy	01/08/2007	7.5		
326	59000113	Quách Gia Huy	28/04/2007	6.5		
327	51000928	Trần Lê Xuân Huy	28/05/2007	6.0		
328	02046911	Trần Mai Quốc Huy	12/11/2007	7.0		
329	02020847	Đinh Đức Huyền	23/05/2007	7.5		1500
330	02000196	Lê Hoàng Nhật Huyền	09/11/2007	6.0		
331	02096695	Lê Uyên Huyền	07/01/2007	6.0		
332	02011566	Nguyễn Trần Minh Huyền	06/03/2007	7.0		
333	63000645	Đặng Thái Huyền	05/06/2007	7.0		
334	03024166	Đoàn Ngọc Huyền	12/10/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
335	41007732	Nguyễn Lê Khánh Huyền	14/10/2007	6.5		
336	02002793	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	28/03/2007	7.5		
337	52000173	Nguyễn Phan Thương Huyền	18/01/2007	7.5		
338	53009534	Nguyễn Huỳnh	12/10/2007	6.0		
339	02002794	Nguyễn Phúc Huỳnh	28/03/2007	6.5		
340	02000205	Nguyễn Đoàn Gia Hy	02/12/2007	7		
341	02011577	Trương Nhật Bảo Hy	21/12/2007	7.5		1530
342	02092008	Nguyễn Minh Kha	18/09/2007	6.5		
343	47007846	Nguyễn Quang Khải	24/07/2007	6.0		
344	04002397	Phạm Huy Khải	08/11/2007	6.0		
345	02002807	Trần Quốc Khải	21/05/2007	7		
346	49007272	Đặng Nguyên Khang	18/09/2007	6		
347	02002808	Diệp Quốc Khang	24/01/2007	7		
348	48012227	Đinh Bá Bảo Khang	19/11/2007	6.0		
349	02092012	Hoàng Minh Khang	19/11/2007	6.5		
350	02096722	Huỳnh Thế Gia Khang	04/10/2007	6		
351	02016369	Huỳnh Triều Khang	03/06/2007	6.5		
352	02016371	Kim Hoàng Khang	28/03/2007	7.0		
353	02058009	Mai Phúc Khang	01/08/2007	7.5		
354	02011583	Ngô Bảo Khang	10/04/2007	6.5		
355	02011584	Nguyễn Khang	07/05/2007	7.0		
356	44004772	Nguyễn Hữu Bảo Khang	13/10/2007	6.5		
357	02011585	Nguyễn Minh Khang	13/02/2007	7.0		
358	02058012	Nguyễn Ngọc Nguyên Khang	06/03/2007	7		
359	02011589	Phan Nhật Khang	24/02/2007	7.0		
360	02011590	Trần Lâm Bảo Khang	07/01/2007	6.5		
361	04010569	Bùi Mai Hồng Khanh	17/11/2007	7		
362	48012547	Bùi Thị Ngọc Khanh	25/03/2007	6.0		
363	02058016	Đinh Ngọc Đan Khanh	09/01/2007	6.0		
364	54003030	Hồ Phương Khanh	25/11/2007	6.0		
365	02015640	Lê Ngọc Bảo Khanh	01/07/2002	6.5		1470
366	02046235	Nguyễn Minh Khanh	18/01/2007	6.5		
367	02011597	Phan Mai Khanh	10/11/2007	8		1410
368	44004783	Lâm Ngọc Khánh	05/11/2007	6.0		
369	02020867	Lê Nam Khánh	01/06/2007	7.5		
370	42008598	Nguyễn Phan Nhật Khánh	11/01/2007	6.0		
371	44004789	Phạm Nhật Khánh	26/07/2007	7.5		
372	44001290	Huỳnh Gia Khiêm	29/04/2007	8.5		1450

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
373	02011601	Nguyễn Tường Minh Khiêm	01/03/2007	7		
374	47007869	Lại Ngọc Minh Khoa	19/01/2007	6.0		
375	02015651	Lê Bảo Đăng Khoa	15/02/2006	6.5		1370
376	02002833	Nguyễn Đăng Khoa	25/01/2007	7.5		
377	02096735	Nguyễn Lê Minh Khoa	03/09/2007	6.5		
378	02011605	Nguyễn Minh Khoa	24/12/2007	7.0		1440
379	02011606	Trần Bảo Đăng Khoa	20/10/2007	7		
380	02055662	Trần Hữu Khoa	22/09/2007	6.5		
381	57001372	Trần Nhật Khoa	06/11/2007	7.5		
382	02010471	Trần Võ Đăng Khoa	20/02/2007	8		1510
383	02011608	Bùi Nguyễn Minh Khôi	20/04/2007	6		
384	02002843	Lê Anh Khôi	21/12/2007	6		
385	02096748	Lê Duy Khôi	11/01/2007	6.5		
386	02005653	Lê Tự Nguyên Khôi	23/04/2007	7.0		
387	02046941	Nguyễn Đăng Khôi	25/11/2007	8.0		
388	02012737	Nguyễn Đình Khôi	09/12/2007	6.5		
389	02011612	Nguyễn Đức Bảo Khôi	07/10/2007	8.5		1560
390	02011611	Nguyễn Duy Bảo Khôi	14/10/2007	7		
391	47003898	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	08/05/2007	6.0		
392	02005655	Nguyễn Minh Khôi	24/11/2007	6.0		
393	39006650	Nguyễn Minh Khôi	08/01/2007	7.5		
394	35003669	Nguyễn Trần Bảo Khôi	09/03/2007	6.0		
395	02097852	Phạm Đăng Khôi	07/10/2006	6.0		
396	41007773	Phạm Hoàng Đăng Khôi	19/08/2007	6.5		
397	02011614	Phan Lê Minh Khôi	27/04/2007	7.0		
398	02011615	Phan Minh Khôi	13/05/2007	8		1520
399	02092034	Trương Đăng Khôi	06/11/2007	6.5		
400	02096760	Đặng Minh Khuê	29/09/2007	7.5		
401	02081096	Ngô Xuân Thụy Khuê	01/07/2006	6.5		
402	02011617	Nguyễn Kim Khuê	16/11/2007	7		1360
403	02010905	Nguyễn Lưu Khuê	20/05/2007	8.0		1380
404	04010592	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	21/05/2007	6.5		
405	02097853	Phạm Bích Khuê	01/01/2006	7.5		
406	02058038	Trần Ngọc Minh Khuê	10/04/2007	7.0		
407	02096761	Trần Ngọc Minh Khuê	26/10/2007	6.0		
408	02058039	Trương Minh Khuê	17/08/2007	7.5		
409	40020466	Lê Văn Khương	09/08/2007	7.0		
410	54003056	Trương Phúc Khương	01/01/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
411	02005665	Nguyễn Nam Kiên	06/06/2007	7.0		
412	02002852	Tổng Trí Kiên	09/06/2007	6.5		
413	38003269	Trần Hoàng Kiên	17/02/2007	6.5		
414	37000197	Đặng Gia Kiệt	04/01/2007	7.0		
415	42009788	Lê Quang Tuấn Kiệt	10/03/2007	6.5		
416	41007782	Lê Tuấn Kiệt	05/07/2007	6.0		
417	02063844	Trần Tuấn Kiệt	15/04/2007	7.0		
418	50013421	Võ Anh Kiệt	19/05/2007	6.5		
419	02035196	Võ Tuấn Kiệt	23/06/2006	6.5		1370
420	44004803	Đỗ Châu Thiên Kim	07/09/2007	6.0		
421	02096774	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	20/04/2007	7		
422	02096777	Ngô Vĩ Kỳ	26/07/2007	6.5		
423	53009588	Phan Mỹ Kỳ	08/03/2007	7.0		
424	02044460	Trần Khả Kỳ	05/05/2007	6.0		
425	02035767	Trần Minh Kỳ	31/07/2006	6.5		
426	02020901	Hồng Khương Nhật Lam	06/08/2007	6.0		
427	02046264	Ngô Hồng Lam	13/07/2007	6.0		
428	02096782	Nguyễn Hoài Trúc Lam	08/02/2007	6.5		
429	02003986	Nguyễn Phúc Hải Lam	01/05/2007	6.0		
430	02051115	Phan Thiên Lam	11/12/2007	6.0		
431	02055691	Chu Thế Lâm	14/03/2007	7.5		
432	01019476	Nguyễn Ngọc Lâm	11/11/2007	8.0		
433	48014435	Nguyễn Sơn Lâm	02/12/2007	6.5		
434	02064400	Phạm Bảo Lâm	09/11/2007	6		
435	42001279	Nguyễn Hương Lan	22/12/2007	6		
436	02051697	Phạm Ngọc Lan	14/09/2007	6.0		
437	50005931	Võ Xuân Lan	30/08/2007	7.0		
438	02010924	Nguyễn Hoàng Lâm	26/09/2007	7.0		1390
439	02058057	Trần Hoàng Thanh Liêm	26/05/2007	6.0		
440	02096141	Lê Nguyễn Hoàng Liên	10/06/2007	8.0		
441	01064580	Đặng Phương Linh	09/12/2007	8		
442	02048635	Điệp Vũ Như Linh	26/03/2007	6		
443	02002864	Hồ Ngọc Thúy Linh	16/01/2007	6.5		
444	38000313	Hồ Vũ Việt Linh	09/02/2007	6.5		
445	02020910	Huỳnh Võ Khánh Linh	13/04/2007	6.5		
446	52000911	Lê Võ Ngọc Linh	25/01/2007	6.5		
447	61000247	Lý Nguyễn Tú Linh	09/10/2007	6.5		
448	02002868	Mai Xuân Cát Linh	05/11/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
449	37000126	Nguyễn Hoàng Phương Linh	15/06/2007	6.5		
450	52004172	Nguyễn Khánh Linh	21/05/2007	6.5		
451	02046280	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	14/05/2007	6.5		
452	02046283	Nguyễn Vũ Diệu Linh	12/07/2007			1380
453	02064409	Phạm Trần Khánh Linh	26/03/2007	6.5		
454	02092054	Phan Trần Tích Linh	22/02/2007	7.5		
455	48015304	Tăng Huyền Bảo Linh	02/11/2007	6.5		
456	52000233	Tổng Phương Linh	12/08/2007	6.5		
457	02016960	Trần Khánh Linh	24/12/2007	6.0		
458	02055102	Trần Mai Phương Linh	03/12/2007	6.5		
459	02092055	Trần Ngọc Linh	06/11/2007	7.5		
460	52004855	Trần Phạm Thảo Linh	30/11/2007	6.5		
461	02011656	Trần Thùy Linh	23/01/2007	7		
462	38003720	Đặng Hoàng Tiên Lộc	09/07/2007	6.0		
463	02046300	Nguyễn Nguyên Lộc	01/11/2007	6.0		
464	02011666	Nguyễn Tiến Lộc	31/01/2007	7.5		1470
465	02002883	Nguyễn Trần Thiên Lộc	13/01/2007	7.0		
466	39009551	Nguyễn Vũ Đình Lộc	16/05/2007	6.0		
467	29024884	Nguyễn Xuân Lộc	06/03/2007	6.0		
468	02096819	Phạm Đỗ Thiên Lộc	04/01/2007	7.0		
469	02000261	Lê Hoàng Long	10/02/1998	7.5		
470	02055703	Ngô Văn Long	21/11/2007	6		
471	44004825	Nguyễn Hoàng Long	09/02/2007	6.5		
472	45002870	Nguyễn Việt Long	08/07/2007	7.5		
473	02096824	Bùi Minh Luân	14/05/2007	6.5		
474	39009553	Dương Văn Thành Luân	11/12/2007	8.0		
475	02011671	Ngô Kiệt Luân	09/08/2007	7		
476	37000241	Nguyễn Hoàng Lưu Ly	20/01/2007	6.5		
477	03010121	Đặng Thanh Mai	20/01/2007	7.0		
478	02058097	Nguyễn Ngọc Mai	30/01/2007	6.5		
479	55007827	Nguyễn Phương Mai	25/09/2007	7.5		
480	02011680	Nguyễn Quỳnh Mai	01/09/2007	7.5		1390
481	02011682	Phan Ngô Quỳnh Mai	24/02/2007	6.5		
482	04004784	Trần Thụy Xuân Mai	03/10/2007	6.5		
483	47007916	Nguyễn Vũ Triệu Mẫn	24/01/2007	6.0		
484	02011689	Phạm Tú Mẫn	16/02/2007	7.5		1530
485	52004205	Bùi Công Minh	26/07/2007	6.5		
486	53009619	Đỗ Cao Minh	27/04/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
487	02006168	Hà Lê Minh	05/12/2007	6.5		
488	01027723	Hoàng Bình Minh	31/12/2007	7.0		
489	02015718	Huỳnh Ngọc Quang Minh	29/06/2006	6.5		
490	02011694	Lê Quang Tiến Minh	11/10/2007	8.0		1340
491	02096853	Lê Thiện Minh	20/11/2007	6.5		
492	17015963	Ngô Thị Thư Minh	05/05/2007	6.5		
493	42013507	Nguyễn Gia Minh	27/11/2007	7.0		
494	02081162	Nguyễn Hoàng Phúc Minh	03/02/2007	7.0		
495	02015722	Nguyễn Nhật Minh	02/06/2006	8.0		1470
496	02016502	Nguyễn Nhật Minh	29/05/2007	6.0		
497	51008990	Nguyễn Phú Duy Minh	15/08/2007	7.0		
498	01027306	Nguyễn Quang Minh	21/05/2006	7.0		
499	53008274	Nguyễn Thoại Bảo Minh	28/06/2007	6.0		
500	02011709	Nguyễn Trần Gia Minh	11/11/2007	6.5		
501	03024264	Nguyễn Trần Hồng Minh	14/02/2007	6.5		1450
502	02002910	Phạm Nhất Minh	07/11/2007	7.5		1450
503	34013562	Phan Thị Ngọc Minh	11/04/2007	7.0		1510
504	02048685	Tạ Hồng Minh	08/03/2007	6		
505	01027742	Trần Bùi Quang Minh	17/09/2007	6.5		
506	02096868	Trần Thị Nguyệt Minh	31/01/2007	7		
507	02010952	Trương Nguyệt Minh	12/04/2007	8.0		1490
508	35003748	Võ Châu Hải Minh	09/05/2007	7.5		
509	02006176	Võ Nguyễn Uyên Minh	24/10/2007	7		
510	02081170	Võ Phan Nhật Minh	14/12/2006	6.5		
511	02006177	Võ Quang Minh	27/02/2007	6.0		
512	02046333	Vũ Nhật Minh	25/01/2007	6.5		
513	41009135	Vũ Như Hoàng Minh	19/11/2007	7.0		
514	02010954	Vương Bảo Minh	24/12/2007	6.5		
515	02010955	Đỗ Khải My	28/04/2007	8		
516	02096872	Hồ Triều My	18/01/2007	7.5		1340
517	02046337	Nguyễn Hà My	05/04/2007	6.5		
518	40020582	Nguyễn Thị Giáng My	27/11/2007	7.0		
519	55012734	Nguyễn Tuệ Mỹ	01/05/2007	8.0		
520	02064426	Chu Nguyễn Lê Na	17/04/2007	6.0		
521	02005702	Lê Nguyễn Mi Na	14/09/2007	8.0		
522	02020949	Hoàng Công Nam	19/11/2007	6.0		
523	02048699	Lê Vũ Hải Nam	01/09/2007	7.5		
524	36000674	Nguyễn Cảnh Nam	08/02/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
525	02020305	Nguyễn Hoàng Nam	28/05/2007	6.5		
526	19000488	Phan Hải Nam	28/01/2007		91	
527	01098095	Trịnh Phương Nam	19/08/2006	6.5		
528	48018043	Trương Hà Thanh Nam	13/03/2007	6.5		
529	58003214	Mai Huỳnh Nga	01/05/2007	6.0		
530	04013452	Trần Nguyễn Thanh Nga	25/03/2007	6.5		
531	02096900	Đỗ Hà Kim Ngân	03/09/2007	7		
532	01000994	Đỗ Quỳnh Ngân	24/07/2006	7.0		
533	02070284	Lê Hoàng Thanh Ngân	24/05/2007	6.5		
534	02005706	Ngô Minh Bảo Ngân	23/05/2007	7.5		
535	52000285	Ngô Mỹ Ngân	28/08/2007	6.5		
536	02071693	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	22/06/2007	7.0		
537	53011023	Nguyễn Huyền Bảo Ngân	28/09/2007	7.5		
538	04013456	Nguyễn Khánh Ngân	16/10/2007	8		1550
539	02081185	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	25/06/2006	6.0		
540	48018638	Trần Đặng Diễm Ngân	10/04/2007	6.5		
541	04013461	Trần Ngọc Khánh Ngân	01/08/2007	6.0		
542	01018460	Trịnh Thu Ngân	19/11/2006	6.0		
543	02064438	Võ Thị Kim Ngân	13/09/2007	6.0		
544	02005708	Hoàng Vân Nghi	08/10/2007	7		
545	02010972	Lâm Phương Nghi	20/08/2007	7.5		
546	56010647	Nguyễn Đức Gia Nghi	24/01/2007	6.5		
547	02058138	Nguyễn Hoàng Đông Nghi	25/05/2007	7.5		
548	61000292	Nguyễn Phương Nghi	03/01/2007	7.5		
549	48018834	Phạm Xuân Nghi	01/11/2006	6.5		
550	02046365	Trần Đông Nghi	13/10/2007	7.0		1340
551	02010979	Trần Hạ Nghi	18/04/2007	7.0		
552	58003224	Trịnh Thảo Nghi	23/02/2007	7.5		
553	55011476	Lê Trọng Nghĩa	25/11/2007	6.5		
554	02055179	Nguyễn Thành Nghĩa	01/12/2007	8.0		
555	02010989	Nguyễn Gia Nghiệp	17/05/2007	7.0		
556	02096933	Bùi Lê Bảo Ngọc	21/05/2007	6.5		
557	02003571	Bùi Phạm Như Ngọc	08/04/2007	7.5		
558	44004853	Đặng Nguyễn Khánh Ngọc	12/02/2007	6.5		
559	02010991	Đặng Vũ Bảo Ngọc	17/03/2007	7.0		
560	38010542	Đỗ Mai Hồng Ngọc	08/03/2007	7.5		
561	01019683	Hoàng Bảo Ngọc	05/05/2007	8.5		
562	02046370	Lại Bùi Bảo Ngọc	16/04/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
563	02081203	Lê An Bảo Ngọc	19/09/2007	6.5		
564	02000319	Lê Khánh Ngọc	20/07/2006	6.5		
565	02036253	Lìn Kim Ngọc	19/09/2007	6.5		
566	01012312	Nguyễn Bích Ngọc	17/12/2007	7.0		
567	41007853	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	01/12/2007	6.0		
568	02058150	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	16/04/2007	7		
569	02003581	Nguyễn Phạm Bích Ngọc	10/01/2007	6.5		
570	43000390	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	25/03/2007	6.0		
571	41007856	Nguyễn Trần Như Ngọc	23/12/2007	6.5		
572	37000279	Trần Bảo Ngọc	28/01/2007	6.5		
573	55011488	Trần Nguyễn Như Ngọc	20/11/2007	8.0		
574	02003588	Trần Nguyễn Thanh Ngọc	08/07/2007	6.5		1390
575	52008988	Trần Thị Hồng Ngọc	25/12/2007	6.0		
576	55011491	Bùi Trần Khánh Nguyên	21/07/2007	7.0		
577	04013483	Đặng Lê Hạnh Nguyên	23/10/2007	8		1540
578	02011002	Đoàn Lê Thảo Nguyên	01/01/2007	6.5		
579	02005731	Hà Tố Nguyên	21/12/2007	8		1420
580	02011005	Khru Trọng Nguyên	03/11/2007	7.0		
581	02081212	Lê Khôi Nguyên	17/05/2006	6.5		1470
582	02058160	Mai Phúc Nguyên	27/05/2007	6.5		
583	28001294	Ngọ Bình Nguyên	09/09/2007	6.0		
584	02035295	Nguyễn Đỗ Mạch Nguyên	22/11/2006	7		
585	02000971	Nguyễn Đỗ Thảo Nguyên	25/10/2007	7.5		
586	02046381	Nguyễn Huỳnh Phúc Nguyên	13/10/2007	7.5		
587	51001119	Nguyễn Lê Ái Nguyên	05/05/2007	6.5		
588	02003594	Phó Thành Nguyên	01/11/2007	6.0		
589	02000336	Ung Nguyễn Thanh Nguyên	26/01/2006			1440
590	35003823	Lê Đỗ Minh Nguyệt	11/09/2007	6.5		
591	47007974	Nguyễn Ngọc Bích Nguyệt	05/11/2007	6		
592	02002951	Đỗ Đình Thanh Nhã	16/03/2007	7.5		
593	53009676	Trương Ngọc Nhàn	08/09/2007	7.0		
594	02058169	Văn Thị Phương Nhàn	05/12/2007	6.5		
595	02011017	Bùi Thiện Nhân	10/01/2007	6		
596	02058170	Đào Thiện Nhân	04/01/2007	6.5		
597	48020360	Lê Huỳnh Trung Nhân	03/03/2007	7.0		
598	02003602	Lê Trọng Nhân	21/03/2007	7		
599	02011023	Ngô Trọng Nhân	26/07/2007	6.0		
600	35003833	Nguyễn Hữu Nhân	01/01/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
601	48020400	Nguyễn Lê Nhân	14/10/2007	6.0		
602	02064457	Nguyễn Phúc Thiện Nhân	29/01/2007	7.0		1380
603	02058173	Nguyễn Thành Nhân	01/12/2007	6.5		1380
604	02040447	Nguyễn Thị Thanh Nhân	05/02/2007	7.5		
605	02096969	Nguyễn Thiện Nhân	01/01/2007	6		
606	02021019	Nguyễn Trọng Nhân	10/11/2007	6.0		
607	50017586	Nguyễn Trọng Nhân	15/01/1999	7.0		
608	37000294	Nguyễn Văn Nhân	29/04/2007	6.5		
609	42001442	Nguyễn Văn Bảo Nhân	07/08/2007	7.0		
610	44004864	Phạm Thiện Nhân	22/10/2007	6.0		
611	52000315	Phan Thành Nhân	12/04/2007	6.5		
612	02011026	Phan Trọng Nhân	12/10/2007	6.5		
613	02005743	Trần Lê Thiện Nhân	18/11/2007	7		1490
614	40020667	Võ Duy Nhân	18/10/2007	6.5		
615	02005744	Đoàn Nguyễn Minh Nhật	02/08/2007	7.0		
616	02040448	Hà Minh Nhật	23/02/2007	7.5		1400
617	02003607	Lâm Quang Nhật	12/04/2007	7.0		1480
618	02003609	Tô Quang Nhật	26/09/2007	7		
619	02003610	Trần Quang Nhật	15/07/2007	7		1400
620	02011033	Đoàn Nguyên Nhi	09/09/2007	6		
621	02003612	Hoàng Bảo Nhi	24/07/2007	8		1480
622	02003614	Hồng Phương Nhi	02/09/2007	7		
623	04010225	Lê Ngọc Phương Nhi	30/07/2007	6.0		
624	02092134	Lê Phạm Uyên Nhi	14/12/2007	6		
625	02048169	Lê Yến Nhi	07/10/2007	7.0		
626	02005749	Lưu Yến Nhi	06/12/2007	6.0		
627	02011038	Nguyễn Bùi Hồng Nhi	23/06/2007	7.5		1360
628	02092135	Nguyễn Đỗ Phương Nhi	30/04/2007	6.5		
629	04010673	Nguyễn Hà Thục Nhi	05/04/2007	6.5		1460
630	02046399	Nguyễn Huỳnh Bảo Nhi	11/08/2007	6.5		
631	02003620	Nguyễn Minh Nhi	16/05/2007	6		
632	04013511	Nguyễn Thị Ý Nhi	22/02/2007	6.5		
633	40020686	Phan Vũ Thảo Nhi	01/11/2007	6.5		
634	02092143	Phùng Bảo Nhi	31/10/2007	7.0		
635	02011044	Trần Uyên Nhi	09/02/2007	7		
636	37000311	Trần Uyên Nhi	04/07/2007	6.5		
637	02040460	Võ Yến Nhi	05/01/2007	6.5		
638	02032448	Nguyễn Hà Nhiên	21/12/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
639	02011052	Cung Trúc Như	12/12/2007	6		
640	02011053	Đôn Nguyễn Minh Như	26/11/2007	6.5		1460
641	04013515	Hồ Ngọc Quỳnh Như	04/11/2007	6.0		
642	02016573	Lê Nguyễn Uyên Như	03/01/2007	7		
643	42013022	Nguyễn Bảo Quỳnh Như	14/01/2007	6.0		
644	56010706	Nguyễn Huỳnh Minh Như	28/03/2007	6.5		
645	02092160	Nguyễn Từ Uyên Như	04/12/2007	6.5		
646	50007941	Đỗ Cẩm Nhung	15/11/2007	6.5		
647	53011111	Nguyễn Hồng Minh Nhựt	13/12/2007	6.5		
648	51001159	Mai Hải Ninh	18/02/2007	6.0		
649	02011070	Nguyễn Lê Tú Oanh	08/09/2007	7.0		
650	35012685	Đặng Trịnh Gia Phát	15/09/2007	7.5		
651	37016884	Lý Tấn Phát	06/09/2007	7.0		
652	02092169	Ngô Hoàng Phát	03/09/2007	6.0		
653	02011076	Nguyễn Khánh Phát	19/03/2007	6.5		
654	02096252	Nguyễn Khánh Phát	28/01/2007	7.5		
655	02058209	Nguyễn Tấn Phát	02/02/2007	7.0		
656	52001114	Nguyễn Tấn Phát	18/08/2007	6		
657	50006064	Nguyễn Thiên Phát	09/06/2007	6		
658	02002987	Trần Hồng Phát	09/02/2007	6.5		
659	02005771	Nguyễn Huy Phong	13/12/2007	6		
660	02058217	Trần Đình Phong	07/03/2007	6.5		
661	02000373	Trần Nguyễn An Phong	24/01/2006	6.5		
662	02016593	Võ Thiên Phong	31/07/2007	6.5		
663	02011086	Cao Việt Phú	08/04/2007	6.0		
664	41014203	Lương Minh Phú	28/02/2007	6.0		
665	02011089	Nguyễn Bảo Phú	19/11/2007	7.5		1400
666	55007981	Nguyễn Huỳnh Thiên Phú	02/11/2007	8.0		
667	02046423	Nguyễn Xuân Phú	01/06/2007	6.0		
668	02010614	Phạm Khương Thiên Phú	18/07/2007	7		1420
669	02002993	Wuttara Hoàng Phú	20/01/2007	7		
670	02011091	Đoàn Trần Diễm Phúc	22/09/2007	8.5		1560
671	02011092	Hồ Đắc Hoàng Phúc	08/11/2007	7		
672	02064490	Lê Hoàng Phúc	02/05/2007	6.0		
673	02096269	Lê Thiên Phúc	19/04/2007	6.5		
674	02064491	Lê Vũ Hoàng Phúc	26/05/2007	6.5		
675	01012375	Mai Tuấn Phúc	31/08/2007	6.0		
676	02096271	Nguyễn Huy Phúc	25/09/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
677	02005775	Nguyễn Lê Mỹ Phúc	30/04/2007	6.5		
678	46000541	Nguyễn Thanh Phúc	10/08/2007	6.5		
679	02035363	Nguyễn Thành Phúc	04/01/2006	6.5		
680	04010703	Trần Minh Phúc	06/09/2007	6.5		
681	37000352	Trần Nguyên Phúc	18/03/2007	7.0		
682	04010705	Lê Đức Phụng	12/02/2007	6.0		
683	02005779	Nguyễn Gia Tường Phụng	06/09/2007	6.0		
684	02064503	Bùi Hồ Minh Phước	24/06/2007	6		
685	50007986	Đoàn Minh Phước	09/01/2007	7.0		
686	02005780	Huỳnh tấn Phước	27/09/2007	7.5		
687	45002993	Nguyễn Công Phước	26/01/2007	6.0		
688	54003264	Bùi Mai Phương	15/09/2007	6		
689	55012774	Đinh Hoàng Minh Phương	09/12/2007	7.0		
690	44001514	Đoàn Nguyễn Thanh Phương	15/04/2007	6.0		
691	02040491	Dương Lập Phương	02/07/2007	6.5		
692	02051272	Lâm Tú Phương	03/12/2007	6.5		
693	45001937	Lê Phạm Nam Phương	01/06/2007	6.0		
694	37000359	Mai Hoàng Nam Phương	26/11/2007	7.5		
695	02005308	Nguyễn Hoàng Nam Phương	07/06/2007	6.5		
696	02046439	Nguyễn Mai Phương	04/10/2007	7		
697	02011111	Nguyễn Thị Minh Phương	28/10/2007	6.5		
698	19010477	Nguyễn Thị Minh Phương	24/10/2007	7.5		
699	02072763	Phan Đăng Thảo Phương	02/03/2007	6.0		
700	51018582	Phan Mai Phương	06/12/2007	7.5		1470
701	02016603	Sân Sậu Thanh Phương	24/06/2007	7		
702	02003004	Tô Minh Phương	19/09/2007	7		
703	26002108	Vũ Lan Phương	03/04/2007	6.0		
704	03017958	Vương Thị Hải Phương	04/03/2007	7.5		
705	02058251	Đặng Trần Minh Quân	05/10/2007	6.5		
706	02011122	Hồ Minh Quân	04/03/2007	7.5		1390
707	02046445	Hồ Ngọc Mỹ Quân	14/04/2007	7.5		
708	02015892	Lê Hồng Quân	04/02/2006	6.5		
709	02048231	Lê Ngọc Minh Quân	02/04/2007	7		
710	02096296	Lưu Mẫn Quân	02/03/2007	6.5		
711	02064014	Nguyễn Hoàng Quân	05/12/2007	7.5		
712	02011125	Nguyễn Minh Quân	09/03/2007	6		
713	02011126	Nguyễn Minh Quân	15/11/2007	6.5		
714	02011127	Nguyễn Minh Quân	26/05/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
715	48024881	Nguyễn Minh Quân	23/08/2007	7.0		
716	02058262	Nhâm Bội Quân	30/03/2007	7		
717	48024942	Phạm Nguyễn Hoàng Quân	05/03/2007	7.5		1460
718	02011116	Lê Xuân Quang	14/07/2007	7.5		1470
719	02011117	Nguyễn Công Minh Quang	30/12/2007	7.5		
720	46000559	Nguyễn Huỳnh Nhật Quang	18/10/2007	8.0		
721	02090439	Nguyễn Minh Quang	26/12/2007	7.5		
722	02021108	Phan Minh Quang	24/05/2007	6.5		
723	02046455	Lê Trần Kiến Quốc	03/04/2007	7.5		1410
724	02035391	Lê Căn Quý	28/12/2006	7.0		
725	02081303	Lê Phú Quý	19/07/2005	6		
726	02046457	Trần Đức Quý	18/10/2007	7.5		
727	02092198	Đào Thị Tố Quyên	15/05/2007	6		
728	02000408	Đỗ Quyên	13/03/2007	6.5		
729	02016609	Lê Quyên Quyên	27/09/2007	6		
730	01015656	Nguyễn Hoàng Quyên	06/11/2007	6.0		
731	48025263	Nguyễn Quang Thảo Quyên	27/06/2007	7.0		
732	02016613	Nguyễn Gia Quyền	25/10/2007	7.5		
733	02048234	Quyên Cao Quyền	20/07/2007	7		
734	32002639	Đoàn Như Quỳnh	06/03/2007	6.0		
735	25002513	Dương Thúy Quỳnh	13/11/2007	6.0		
736	02051300	Hoàng Thị Như Quỳnh	21/10/2007	6.0		
737	02070378	Lê Thúy Quỳnh	21/07/2007	7.0		
738	02006292	Nguyễn Hương Quỳnh	27/04/2007	7		
739	51018606	Nguyễn Lê Như Quỳnh	29/09/2007	6.5		
740	21016910	Nguyễn Phương Quỳnh	24/03/2007	7.0		
741	02096315	Nguyễn Thái Diễm Quỳnh	22/05/2007	7.5		
742	28002508	Nguyễn Thị Quỳnh	02/04/2007	6.0		
743	37000386	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/06/2007	6.5		
744	02016617	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	29/07/2007	6.0		
745	44004904	Nguyễn Trúc Quỳnh	12/12/2007	7		
746	02016618	Phạm Ngọc Như Quỳnh	15/11/2007	6		
747	02048241	Võ Nguyễn Như Quỳnh	25/11/2007	6		
748	02011145	Võ Xuân Diễm Quỳnh	26/12/2007	6		
749	02046463	Hứa Nữ Tiên Sa	18/01/2007	6.5		
750	02003020	Lý Bảo San	27/05/2007	6		
751	29003879	Võ Minh Sáng	03/03/2007	6.5		
752	02006294	Biện Bảo Thái Sơn	15/08/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
753	30005673	Bùi Xuân Sơn	19/11/2007	6.5		
754	02011152	Đinh Ngụy Trường Sơn	14/05/2007	6.5		
755	02048246	Lê Tùng Sơn	27/10/2007	6.0		
756	43003943	Nguyễn Đào Hữu Sơn	27/11/2007	6.0		
757	02011154	Nguyễn Hữu Sơn	10/06/2007	6.5		
758	08005649	Nguyễn Việt Sơn	31/07/2007	7.0		
759	02092209	Ninh Xuân Sơn	24/06/2007	6		
760	02011156	Trần Hoàng Sơn	14/01/2007	8.0		1450
761	02051318	Võ Thành Sơn	16/09/2007	6		
762	02011159	Lê Thanh Tài	07/03/2007	6		
763	54003309	Nguyễn Anh Tài	07/02/2007	6.0		
764	02011161	Bùi Đào Hồng Tâm	02/01/2007	6		
765	04010743	Đào Ngọc Minh Tâm	26/08/2007	6.0		
766	02046473	Đỗ Lê Nhật Tâm	07/05/2007	7.5		
767	02081339	Đỗ Nhân Tâm	15/05/2007	6		
768	48026507	Đỗ Thị Thanh Tâm	05/02/2007	6.0		
769	02011162	Hoàng Ngọc Minh Tâm	22/01/2007	7.0		1400
770	04010744	Lê Ngọc Bảo Tâm	25/01/2007	7.0		
771	02035409	Nguyễn Huỳnh Trang Tâm	06/02/2006	7.5		1550
772	02096324	Nguyễn Minh Tâm	22/03/2007	6		
773	44001563	Nguyễn Ngọc Tâm	03/05/2007	6.5		
774	02011163	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	07/05/2007	6.0		
775	41009714	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10/01/2007	6.5		
776	02011164	Phan Minh Tâm	12/01/2007	7.0		1360
777	55015572	Thái Phạm Khánh Tâm	27/10/2007	8.5		
778	57001693	Võ Diệp Thiên Tâm	21/05/2007	6.5		
779	04013562	Đặng Nguyễn Nhật Tân	03/04/2007	6.5		
780	50014461	Võ Thanh Tân	13/04/2007	6.0		
781	02006299	Bạch Nam Tấn	28/12/2007	7.0		
782	55012790	Nguyễn Kiến Tạo	26/09/2007	7.0		
783	40020845	Nguyễn Quang Thạch	29/07/2007	6.0		
784	02003026	Đinh Thành Thái	23/01/2007	7.0		1440
785	02000446	Kim Vĩnh Thái	18/02/2007	7		
786	02005346	Nguyễn Duy Thái	01/10/2007	6.5		
787	04013588	Nguyễn Viết Hiệp Thắng	26/06/2007	7.0		
788	50013551	Phan Đại Thắng	10/12/2007	8.0		
789	02046481	Châu Hồng Bảo Thanh	04/11/2007	6.5		
790	02006301	Huỳnh Quang Thanh	28/08/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
791	02011177	Nguyễn Yên Thanh	22/08/2007	6.5		
792	02064048	Trương Đình Thanh	27/11/2007	6		
793	02096339	Đặng Tiến Thành	20/10/2007	6.0		
794	02081359	Đào Trung Thành	08/08/2007	7.0		
795	52011646	Dương Võ Nguyên Thành	14/10/2006	6		
796	02046487	Hà Minh Thành	14/03/2007	7		1410
797	04013569	Lê Minh Thành	03/06/2007	8.0		1530
798	02003031	Lê Nguyễn Khánh Thành	16/04/2007	6		
799	61001227	Trần Việt Thành	20/11/2007	6.5		
800	44004929	Dương Ngọc Hiền Thảo	13/03/2007	6.5		
801	44004933	Hồ Thị Thanh Thảo	17/01/2007	6.5		
802	02011182	Nguyễn Đoàn Ngân Thảo	26/02/2007	7.5		1340
803	29003901	Nguyễn Minh Thảo	06/09/2007	7.0		
804	02011183	Nguyễn Phương Thảo	20/02/2007	7.0		
805	02085928	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15/11/2007	6.0		
806	52000414	Phạm Thanh Thảo	19/03/2007	6.5		
807	57001628	Phạm Thanh Thảo	06/12/2007	7.5		
808	39009303	Phan Nguyễn Như Thảo	28/09/2007	6.0		
809	02058307	Trần Kim Băng Thảo	28/10/2007	6.0		
810	02003038	Trần Nguyễn Phương Thảo	27/03/2007	7		
811	49004654	Trần Thanh Ngân Thảo	31/07/2007	6.0		
812	28002551	Trịnh Thanh Thảo	25/02/2007	6.0		
813	54003357	Nguyễn Văn Thật	01/04/2007	6.0		
814	53011213	Nguyễn Lâm Nguyệt Thi	03/10/2007	6		
815	56010802	Nguyễn Thị Hồng Thi	13/08/2007	6.0		
816	02096357	Nguyễn Thị Mai Thi	04/04/2007	7.5		
817	55011580	Nguyễn Như Gia Thiên	30/08/2007	8.0		
818	02015964	Phan Châu Thiên	13/07/2006	6.0		
819	04010768	Thái Thuận Thiên	29/11/2007	6.5		
820	29003907	Dương Đức Thiện	09/11/2007	7.5		1470
821	02046501	Lê Vũ Tâm Thiện	03/07/2007	6.0		
822	44004940	Nguyễn Phước Thiện	11/02/2007	6.0		
823	02003045	Võ Đức Thiện	03/03/2007	7.0		
824	02048276	Dương Trần Doãn Thiệu	06/09/2007	6		
825	02058328	Ngô Vĩnh Thịnh	11/10/2007	6		
826	02058327	Bùi Hoàng Thịnh	16/10/2007	6.0		
827	02011190	Đào Phúc Thịnh	28/07/2007	7.0		1500
828	02013547	Đoàn Tất Thịnh	03/08/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
829	02003046	Hứa Lê Đức Thịnh	07/12/2007	6.5		
830	02055318	Lê Đức Thịnh	15/11/2007	6.0		
831	56010811	Lê Phước Thịnh	05/11/2007	6.5		
832	50008065	Nguyễn Hồ Cao Thịnh	10/03/2007	7.0		
833	02089500	Nguyễn Phúc Thịnh	06/02/2007	6		
834	02011196	Phạm Duy Thịnh	15/03/2007	7.5		
835	02011197	Phạm Nguyễn Gia Thịnh	24/01/2007	6		
836	56010817	Phạm Phúc Thịnh	10/12/2007	6.0		
837	37000425	Trương Hứa Quốc Thịnh	24/02/2007	6.5		
838	02081388	Trương Phúc Thịnh	10/12/2007	6.0		
839	02011199	Võ Quốc Trường Thịnh	05/10/2007	6.5		
840	48028703	Lê Huỳnh Anh Thơ	11/01/2007	7.0		1400
841	50008075	Nguyễn Anh Thơ	12/10/2007	7.0		
842	01027959	Nguyễn Trần Thọ	26/02/2007	7.5		
843	02081389	Sử Thanh Phú Thọ	17/05/2007	6.0		
844	02003049	Nguyễn Hoàng Bảo Thoa	25/10/2007	6.5		
845	02011201	Lương Phan Huy Thông	06/12/2007	7.5		
846	02006318	Nguyễn Hoàng Bá Thông	19/06/2007	7		1340
847	02011202	Nguyễn Quang Thông	08/06/2007	7.5		1440
848	55011589	Trần Minh Thông	27/11/2007	6.0		
849	44004957	Bùi Lê Anh Thư	14/03/2007	6.0		
850	02058350	Đặng Anh Thư	03/07/2007	6.5		
851	51001334	Đỗ Ngọc Thư	06/11/2007	8.0		
852	54007309	Dương Ngọc Minh Thư	03/05/2005	6.0		
853	53011240	Hoàng Ngọc Anh Thư	11/08/2007	7		
854	02092274	Huỳnh Hoàng Anh Thư	12/01/2006	6.5		
855	02011221	Lê Minh Thư	19/09/2007	7.0		
856	51001338	Lý Anh Phương Thư	03/02/2006	6.0		
857	02081411	Ngô Minh Thư	01/01/2005	6		
858	56010831	Nguyễn Bảo Anh Thư	02/04/2007	6.0		
859	37000441	Nguyễn Hoàng Anh Thư	28/12/2007	7.5		
860	37000442	Nguyễn Huỳnh Linh Thư	15/11/2007	7.0		
861	52000439	Nguyễn Lê Anh Thư	06/03/2007	7.5		
862	02015994	Nguyễn Minh Thư	16/07/2006	6.5		
863	42000709	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11/01/2007	7.0		
864	56011294	Nguyễn Ngọc Anh Thư	15/06/2007	6.0		
865	02058357	Nguyễn Ngọc Minh Thư	16/07/2007	7		
866	02096390	Nguyễn Ngọc Thiên Thư	09/04/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
867	02011224	Nguyễn Phùng Kim Thư	24/11/2007	6.5		
868	02058360	Nguyễn Trần Anh Thư	27/06/2007	7.5		
869	02021227	Phạm Anh Thư	09/02/2007	7.5		
870	02015996	Phạm Ngọc Anh Thư	21/12/1998	6.0		
871	02046529	Phan Ngọc Minh Thư	28/07/2007	7.5		1460
872	02021232	Phùng Duy Anh Thư	28/11/2007	7.5		1370
873	28039463	Trịnh Anh Thư	07/02/2007	6.5		
874	02032025	Châu Hoàng Thúc	19/05/2007	6.0		
875	44005532	Lê Công Thúc	18/08/2007	6.5		
876	02032534	Lê Phương Thúy	21/06/2007	6		
877	02048302	Bùi Nguyễn Mai Thy	16/01/2007	6		
878	02072891	Dương Bảo Thy	12/06/2007	6.0		
879	02011238	Nguyễn Phạm Bảo Thy	23/09/2007	6.5		
880	02035913	Phạm Xuân Thy	23/03/2006	6.5		
881	40020917	Võ Ngọc Mai Thy	08/09/2007	6.5		
882	02011240	Võ Ngọc Vân Thy	09/08/2007	7.5		1490
883	02003075	Ngô Phạm Hồng Tiên	29/12/2007	6.0		
884	02016678	Võ Nguyễn Mỹ Tiên	28/10/2007	7.5		
885	51001364	Trương Bảo Tiến	24/05/2007	6.0		
886	02081421	Võ Nhật Tiến	29/12/2006	6		
887	02096405	Nguyễn Trung Tín	07/03/2007	6.5		
888	02011250	Tạ Như Trung Tín	22/04/2007	6		
889	02032567	Nguyễn Đình Toàn	09/09/2007	6.5		
890	50006220	Phạm Hoàng Gia Toàn	14/09/2007	7.5		
891	02055345	Trần Lê Hương Trà	27/11/2007	7		
892	02021272	Cao Thùy Trâm	02/12/2007	6		
893	02016026	Lê Đỗ Quỳnh Trâm	08/09/2006	7.0		
894	02011264	Lê Đoàn Anh Trâm	25/08/2007	7.0		
895	30016451	Lưu Ngọc Trâm	04/07/2007	6.5		
896	02051434	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	25/07/2007	6.0		
897	02048910	Nguyễn Thị Thu Trâm	29/10/2007	6.0		
898	02035464	Trương Minh Trâm	07/10/2006	6		
899	02011276	Đặng Mai Bội Trân	07/02/2007	8.0		
900	02003093	Huỳnh Trương Ngọc Trân	13/12/2007	6.5		
901	02011278	La Bảo Trân	07/04/2007	7.5		1380
902	02011283	Phạm Ngọc Bảo Trân	09/08/2007	6.5		
903	02016689	Phan Ngọc Thảo Trân	11/01/2007	7		
904	02003094	Trần Ngọc Bảo Trân	18/09/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
905	49004710	Lê Nguyễn Thảo Trang	01/01/2007	6.5		
906	02035460	Liên Nguyệt Thiên Trang	22/04/2006	6		
907	03024403	Nguyễn Minh Trang	11/11/2007	6.5		
908	44009680	Nguyễn Phạm Khánh Trang	19/10/2007	7		
909	02003083	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/11/2007	6.0		
910	02035461	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/01/2006	6.0		
911	42000760	Thân Ngọc Minh Trang	22/08/2007	7		
912	52000453	Trần Quỳnh Mai Trang	02/03/2007	7.5		1340
913	02016685	Trần Thị Thùy Trang	13/09/2007	6.5		
914	02003095	Danh Lâm Đức Trí	06/09/2007	7.5		
915	35004064	Đỗ Quang Trí	29/01/2007	7.0		
916	02011288	Lê Đức Trí	07/02/2007	7.0		
917	02058384	Lê Trọng Trí	21/11/2007	7.5		
918	32002730	Nguyễn Đức Trí	16/08/2007	6.0		
919	02048919	Nguyễn Thành Trí	23/07/2007	6.5		
920	02003098	Phạm Minh Trí	06/11/2007	7.5		1510
921	01036871	Vũ Minh Trí	16/10/2007	6.5		
922	53009876	Tổng Minh Triết	06/09/2007	7.0		
923	04013643	Nguyễn Duy Phương Trinh	21/09/2007	6.5		
924	02011297	Lê Phú Trọng	06/11/2007	7.5		1420
925	02011300	Lê Hoàng Thủy Trúc	30/09/2007	6.5		
926	02081467	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	6.5		
927	02003106	Tô Nguyễn Thanh Trúc	08/11/2007	6.5		
928	02011304	Trần Thị Thanh Trúc	14/07/2007	6.5		
929	02011305	Trịnh Lê Thanh Trúc	14/04/2007	7.5		
930	37000490	Đoàn Trung Trực	06/08/2007	8.0		
931	02050828	Hà Trung	31/12/2007	7		
932	02032604	Huỳnh Bửu Trung	30/06/2007	6.5		
933	48033261	Nguyễn Thành Trung	30/10/2007	7.5		
934	02011309	Phạm Đoàn Quốc Trung	27/01/2007	7.0		1350
935	43011195	Trần Hữu Trung	27/04/2007	6		
936	55012840	Nguyễn Đăng Trường	07/01/2007	6.5		
937	48033426	Nguyễn Quang Trường	21/01/2007	6.5		
938	29027386	Trần Tử Trường	22/01/2007	6.5		
939	52000467	Nguyễn Cẩm Tú	28/01/2007	7.5		
940	57001710	Nguyễn Lê Khả Tú	06/11/2007	6.0		
941	01019795	Nguyễn Minh Tú	18/07/2007	6.0		
942	37000494	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	04/07/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
943	47008200	Phạm Đoàn Minh Tú	15/12/2007	7.0		
944	02096457	Từ Thị Thủy Tú	06/12/2007	6.5		
945	02006353	Lê Đỗ Minh Tuấn	30/09/2007	6.5		
946	48034070	Phạm Anh Tuấn	26/02/2007	8		1560
947	02096462	Nguyễn Ngọc Đoàn Tuệ	17/12/2007	6.5		
948	02092315	Nguyễn Tổng Trí Tuệ	01/09/2007	6.0		
949	02016707	Trần Huỳnh Ngọc Tuệ	31/01/2007	6.0		
950	02096464	Đinh Việt Tùng	09/11/2007	7.0		
951	37000502	Huỳnh Gia Tùng	29/11/2007	6.5		
952	02000558	Đào Nguyễn Cát Tường	19/09/2007	6.5		
953	02058400	Đỗ Cát Tường	21/01/2007	6.0		
954	02000559	Lê Nguyên Cát Tường	01/11/2007	7.5		
955	02010727	Ngô Khánh Tường	14/05/2007	7.5		
956	41008107	Nguyễn Ngọc Cát Tường	03/08/2007	6.5		
957	02058401	Nguyễn Trần Cát Tường	16/11/2007	7.5		
958	02092319	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	26/12/2007	6		
959	55011648	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	23/04/2007	6.0		
960	02048355	Đỗ Thanh Tuyền	11/11/2007	6.0		
961	02081502	Trần Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	24/09/2006	6		
962	02046598	Nguyễn Quốc Uy	09/02/2007	6		
963	35004114	Cao Minh Uyên	03/09/2007	7.0		
964	51001436	Đặng Ngọc Minh Uyên	20/11/2007	6.5		
965	55011657	Lê Ngọc Phương Uyên	02/05/2007	7.0		
966	35001039	Nguyễn Thuận Uyên	01/08/2007	6.0		
967	02046607	Nguyễn Võ Phương Uyên	08/11/2007	6.5		
968	02016710	Phạm Ngọc Kim Uyên	29/01/2007	6.0		
969	51001439	Phan Thị Hồng Uyên	06/06/2006	6.0		
970	44016500	Phan Thúy Uyên	03/04/2007	6.5		
971	02048956	Trần Thị Mỹ Uyên	18/04/2007	6		
972	41003052	Trương Hoàng Tố Uyên	10/08/2007	6.0		
973	54005922	Ngô Tuyết Vân	11/09/2007	6.5		
974	02096485	Phạm Hồng Vân	04/06/2007	7		
975	02010747	Vu Ái Vân	12/11/2007	7.0		1390
976	02032631	Ngô Nguyễn Kỳ Viên	14/12/2007	6		
977	02058407	Huỳnh Quốc Việt	09/07/2007	6.5		1370
978	02010751	Nguyễn Minh Việt	12/01/2007	8.0		
979	52000486	Trần Quốc Việt	02/08/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
980	52004590	Trần Quốc Việt	15/06/2007	6.5		
981	28002632	Lê Bá Quang Vinh	14/04/2007	6.5		1440
982	02003155	Nguyễn Công Vinh	23/03/2007	7		
983	42000841	Nguyễn Phan Vinh	19/03/2007	6.5		
984	02010754	Nguyễn Thành Vinh	19/11/2007	8.5		1550
985	52004593	Nguyễn Trịnh Thanh Vinh	18/06/2007	6.0		
986	02010755	Ôn Gia Vinh	26/12/2007	7.5		
987	56010915	Trần Minh Xuân Vinh	09/08/2007	7		
988	02096495	Trần Quang Vinh	08/11/2007	6		
989	02011343	Lê Hoàng Vũ	14/08/2007	7.5		
990	02046619	Phan Phi Vũ	06/09/2007	6.5		
991	52008217	Dương Quốc Vương	05/12/2007	6.5		
992	49013109	Đỗ Thịnh Vương	06/04/2007	7.0		
993	55008233	Cao Thảo Vy	22/02/2007	6.0		
994	02058411	Đặng Ngọc Ái Vy	06/12/2007	7		
995	02016104	Đinh Vũ Tường Vy	20/04/2006	6.0		
996	02048376	Đỗ Hoàng Khánh Vy	03/06/2007	6		
997	02016721	Đỗ Ngọc Phương Vy	31/12/2007	6.0		
998	02058412	Hoàng Thanh Vy	21/05/2007	7		
999	02021354	Lê Nguyễn Hạ Vy	14/04/2007	6.5		
1000	02011355	Ngô Khánh Vy	09/09/2007	7.5		1390
1001	47005303	Ngô Lê Yến Vy	16/05/2007	7.0		
1002	50015000	Ngô Phương Vy	11/11/2007	6.5		
1003	02011356	Nguyễn Bảo Vy	10/06/2007	7		1350
1004	56010922	Nguyễn Huỳnh Nhật Vy	04/06/2007	7.5		
1005	02011358	Nguyễn Khánh Vy	12/09/2007	6.5		
1006	02003183	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	28/02/2007	6.0		
1007	02048382	Nguyễn Quan Hoàn Vy	06/09/2007	7.5		
1008	56010926	Nguyễn Thị Thanh Vy	20/08/2007	6.5		
1009	02046628	Phùng Ngọc Nhã Vy	07/10/2007	7		
1010	02003188	Tiêu Gia Vy	03/12/2007	6.0		
1011	45003210	Trần Ngọc Lam Vy	23/07/2007	6.0		
1012	02048389	Trần Thoại Bảo Vy	29/06/2007	7.0		
1013	50008209	Trần Thúy Vy	02/11/2007	6.0		
1014	41008160	Phạm Vỹ	13/12/2007	6.0		
1015	02096510	Hồ Thanh Xuân	21/02/2007	6.5		
1016	51016331	La Ngọc Ý	16/07/2007	6.5		
1017	60000513	Phạm Ngọc Như Ý	02/04/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1018	02081535	Phùng Như Ý	06/08/2006	6		
1019	02092360	Thái Thị Như Ý	05/09/2007	7.5		
1020	02006381	Đại Hoàng Yến	24/02/2007	6.0		
1021	02021376	Nguyễn Ngọc Hải Yến	05/05/2007	7		
1022	56001670	Nguyễn Thị Hải Yến	15/04/2007	6.0		
1023	02021379	Phạm Nguyễn Hải Yến	17/09/2007	6.5		
1024	02035503	Trương Mỹ Yến	24/11/2006	6		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH